

Bản án số: **38/2019/HSST**
Ngày: 27/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA Đ - TỈNH NGHỆ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* **Ông Lương Anh Xuân.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Võ Quang Hòa.**

Ông Bạch Xuân Hiền.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* **Bà Hoàng Thị Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* **Ông Hoàng Bá Thọ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Công H – Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 05 tháng 5 năm 1975; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã Nghĩa M, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công Ch - sinh năm 1937 và con bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1946; Vợ: Lê Thị C – sinh năm 1972; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1996 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

- **Người bị hại:** Anh Trần Quốc H – Sinh năm 198.... (Vắng mặt).

Trú tại: xóm Tân Th, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 197.... (Có mặt).

Trú tại: Khôi B, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 07/6/2017, Nguyễn Công H trú tại xóm A, xã Nghĩa M, huyện Nghĩa Đ đến nhà anh Trần Quốc H1 trú tại xóm Tân Th, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đ để thuê xe ô tô tự lái. Trước đây H đã nhiều lần thuê xe ô tô tự lái và tạo được lòng tin với anh H1 nên anh H1 đồng ý cho H thuê xe ô tô mà không cần giấy tờ, thế chấp, chỉ làm hợp đồng thuê xe ô tô tự lái. Theo hợp đồng thì anh H1 cho H thuê xe ô tô nhãn hiệu KIA loại K3 màu trắng, biển kiểm soát 37A-191.4... tự lái trong thời gian 05 ngày (từ 07/6/2017 đến 12/6/2017), mỗi ngày giá 1.000.000 đồng. Sau đó anh H1 giao giấy xác nhận đăng ký xe, sổ kiểm định xe và giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô cho H và H đặt cọc trước cho anh H1 1.000.000 đồng.

Thuê được xe, H điều khiển xe ô tô thuê của anh H1 đi sang huyện Thanh Ch và A, tỉnh Nghệ An để thuê nhà nghỉ ăn chơi. Do không có tiền nên H vay tiền của một số người nhưng không có tiền trả nên H nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô thuê của anh H1 để lấy tiền ăn tiêu và trả nợ. Sáng ngày 12/6/2017, H điều khiển xe ô tô thuê của anh H1 đến xã Khai S, huyện A thì gặp người quen là anh Trịnh Khắc C nên H rủ và chở C xuống Thị trấn A uống cà phê thì C đồng ý. Vì C có người quen là anh Nguyễn Văn T có quán cà phê Túc M ở Thị trấn A nên anh C rủ H đến quán đó uống cà phê. Khi ngồi uống cà phê ở quán Túc M thì H biết quán cà phê Túc M kinh doanh cả dịch vụ cầm đồ nên H đặt vấn đề với anh T cho H cầm cố chiếc ô tô đang đi để lấy tiền giải quyết công việc. Anh T hỏi nguồn gốc chiếc xe ô tô H định cầm cố thì H trả lời xe ô tô của chị gái trong miền nam mua tặng cho H, còn giấy tờ xe thì đang để ở nhà. Anh T không biết rõ H nên hỏi anh C về H thì anh C giới thiệu H là bạn C, nhà ở xã Nghĩa M, huyện Nghĩa Đ và đảm bảo là người tốt. Vì tin lời anh C và lời nói của H nên anh T đồng ý cho H cầm cố chiếc xe ô tô lấy 310.000.000 đồng mà không cần giấy tờ xe ô tô và viết phiếu cầm đồ cho H ký.

Đến ngày trả xe anh H1 không thấy H đưa xe đến trả nên gọi điện cho H hỏi xe thì H che giấu bằng cách trả lời rằng H đang đi có việc ở ngoài bắc không về kịp trả xe và xin gia hạn thời gian thuê xe. Anh H1 tin tưởng và đồng ý, gửi số tài khoản cho H và H chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho anh H1 13.000.000 đồng. Thấy H chuyển khoản cho nhiều tiền nên anh H1 nghi ngờ, đồng thời kiểm

tra và lần theo định vị lắp đặt trên xe xem ô tô của mình đang ở đâu thì phát hiện xe ô tô cho H thuê đang đậu ở trong hiệu cầm đồ Túy M, Thị trấn A, huyện A. Anh H1 gọi điện thoại cho H hỏi tại sao xe ô tô lại ở trong hiệu cầm đồ Túy M thì H mới nói cho anh H1 biết là H đã cầm cầm chiếc ô tô thuê của anh H1 lấy 310.000.000 đồng để đánh bạc và ăn tiêu hết nên chưa có tiền lấy xe về trả và xin anh H1 cho H gia hạn thời gian thuê xe để kiếm tiền chuộc lại xe ô tô.

Ngày 19/6/2017, H chuyển khoản vào tài khoản cho anh H1 4.000.000 đồng. Ngày 29/6/2017, H tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản cho anh H1 thêm 7.000.000 đồng và gửi xe khách lên cho anh H1 thêm 5.000.000 đồng tiếp tục xin gia hạn thời gian thuê xe để kiếm tiền đi chuộc ô tô về trả cho anh H1. Thấy H xin gia hạn thời gian thuê xe nhiều lần nên anh H1 yêu cầu H đến nhà để viết giấy cam kết. Ngày 03/7/2017, H đến nhà anh H1 viết giấy cam kết với nội dung: “*Anh Nguyễn Công H thuê xe ô tô tự lái của anh Trần Quốc H1 rồi đưa đi cầm cầm tại Thị trấn A lấy 300.000.000 đồng và trả lại giấy tờ xe cho anh H1. H cam kết hẹn đúng một tuần sẽ chuộc xe về trả cho anh Trần Quốc H1*”. Sau khi cầm xe ô tô thuê của anh H1 thì H sử dụng số tiền đó để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết nên không có tiền để chuộc xe trả cho anh H1 và H đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 14/7/2017, anh Trần Quốc H1 làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An tố cáo Nguyễn Công H có hành vi chiếm đoạt tài sản của anh H1 và cùng ngày thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An tiến hành lập biên bản tạm giữ chiếc xe ô tô của anh Trần Quốc H1 cho H thuê cầm cầm tại cửa hàng cầm đồ Túy M1 ở Thị trấn A, huyện A để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 03/8/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Công H về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 16/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định chuyển vụ án Nguyễn Công H bị khởi tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Đ. Ngày 03/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Đ ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Công H. Ngày 30/01/2019, Nguyễn Công H bị bắt theo lệnh truy nã khi đang lẩn trốn tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 26/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Nghệ An tiến hành định giá, kết luận: Chiếc ô tô nhãn

hiệu KIA loại K3 màu trắng, biển kiểm soát 37A-191.4., sản xuất năm 2014 đã qua sử dụng của anh Trần Quốc H1 có giá là 470.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Công H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã kết luận. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 điều 175; điểm s khoản 1, 2 điều 51 và điều 38 - Bộ luật hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Công H từ 06 đến 07 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung; về vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 310.000.000 đồng; về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Quốc H1 vắng mặt tại phiên tòa có lời khai trình bày: Ngày 07/6/2017, H đến nhà anh H1 thuê xe ô tô tự lái thì anh H1 đồng ý và làm hợp đồng thuê xe ô tô tự lái 05 ngày từ ngày 07/6/2017 đến ngày 12/6/2017 với giá mỗi ngày 1.000.000 đồng. Sau khi làm hợp đồng thuê xe xong thì anh H1 giao xe ô tô cho H. Việc H sử dụng xe ô tô thuê của anh H1 đưa đi cầm cầm tại hiệu cầm đồ Túy M ở thị trấn A lấy 310.000.000 đồng thì anh H1 không biết và khi H cầm xe ô tô không báo gì với anh H. Đến ngày trả xe thì H không có tiền để chuộc xe và xin tôi gia hạn thời gian thuê xe thêm để kiếm tiền chuộc xe về trả thì tôi đồng ý, nhưng qua nhiều lần gia hạn thời gian thuê xe thì H cũng không chuộc xe cho tôi, rồi bỏ trốn, nên tôi làm đơn tố cáo lên công an để giải quyết. Hiện nay tôi đã nhận lại xe và được H trả cho số tiền là 38.000.000 đồng tiền thuê xe qua chuyển khoản, gửi xe khách về và đưa trực tiếp cho tôi nên tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, về hình phạt đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn T thì khi nhận cầm cầm xe với H, anh T không biết xe ô tô H đi là xe anh H1 và tin tưởng H qua anh C nên đồng ý cho H cầm cầm xe ô tô với số tiền 310.000.000 đồng không cần giấy tờ. Khi công an đến thu xe thì anh T mới biết là xe ô tô H cầm cầm cho anh là xe ô tô anh H1 cho H thuê và công an thu xe về để làm việc. Hiện nay xe ô tô đã bị công an thu trả cho chủ sở hữu, anh T chưa được bị cáo bồi thường gì nên yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền cầm cầm xe là 310.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đúng như nội dung bản cáo trạng quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội để sửa sai và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghĩa Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã xác định vào ngày 07/6/2017 do cần phương tiện để đi chơi nên Nguyễn Công H đã thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu KIA loại K3 màu trắng, biển kiểm soát 37A-191.4.. của anh Trần Quốc H1. Sau khi thuê được xe, H điều khiển xe đến huyện A và Thanh Ch, tỉnh Nghệ An để thuê nhà nghỉ ăn chơi. Do không có tiền để ăn chơi và trả nợ nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và cầm cố xe ô tô thuê của anh H1 cho hiệu cầm đồ Túy M ở Thị trấn A, huyện A với số tiền 310.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn. Chiếc xe ô tô trên của anh Trần Quốc H1 tại thời điểm Nguyễn Công H cầm cố có trị giá 470.000.000 đồng.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018, đối chiếu giữa khoản 3 điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khoản 3 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thấy hình phạt của Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt cao hơn Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã sửa đổi bổ sung một số điều năm 2017, áp dụng luật mới để xử lý bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Công H đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 điều 175 - Bộ luật hình sự năm 2015. Đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

Bị cáo ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng do muốn có tiền tiêu xài, chơi bời cho bản thân nên đã đẩy bị cáo vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Trần Quốc H1, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, do đó cần xét xử nghiêm để phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố và mẹ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cũng được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cần áp dụng hình phạt tù, có thời hạn đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[5] Về biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan công an đã trả chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA loại K3, biển kiểm soát 37A-191.4.. cho chủ sở hữu là anh Trần Quốc H1 nên HĐXX không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Quốc H1 đã nhận lại xe ô tô và được bị cáo trả cho 38.000.000 đồng tiền thuê xe nên không yêu cầu bồi thương gì về dân sự. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền cầm cố xe ô tô là 310.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh T là hợp pháp có cơ sở nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 310.000.000 đồng.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Công H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và điều 38 - Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công H 06 (Sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2019.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng điều 584, 585 và điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Công H phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu

cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự.

- **Về án phí:** Áp dụng điều 136 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Công H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nghĩa Đ;
- Công an huyện Nghĩa Đ;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đ;
- UBND cấp xã (phường) nơi b/c cư trú;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Anh Xuân